

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHIẾU XIN Ý KIẾN
VỀ NHỮNG THAY ĐỔI MỚI CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
(LƯƠNG, THU NHẬP TĂNG THÊM, CÁC MỨC PHỤ CẤP...) ÁP DỤNG TỪ NĂM 2013
(Tại Hội nghị CB-VC năm 2013)

STT	Thay đổi mới trong chế độ chính sách cho NLD	Đồng ý	Không đồng ý	Lương lự
1.	Đổi tên gọi phần thu nhập “Lương 2 + Lương 3” thành “Thu nhập tăng thêm” (TNNT). Công thức tính TNNT giữ nguyên.	89.6%	3.5%	7.0%
2.	Viên chức hành chính phải đảm bảo số ngày làm việc thực tế theo quy định của Trường để được hưởng thu nhập tăng thêm.	97.0%	0.5%	2.5%
3.	Giảng viên phải đảm bảo hoàn thành giờ giảng định mức và giờ nghiên cứu khoa học theo tỷ lệ quy định của Trường để được hưởng thu nhập tăng thêm	92.0%	2.5%	5.5%
4.	Không chi trả kinh phí cho thực hiện các công việc thuộc nhiệm vụ thường xuyên của VCHC và phù hợp với định biên lao động của đơn vị hành chính <i>(các công việc đột xuất hoặc giao theo nhiệm vụ cụ thể của khối hành chính được chi trả kinh phí thực hiện khi có quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập tổ công tác/ ban chuyên môn, quyết định ghi rõ nhiệm vụ, danh sách thành viên thực hiện, kinh phí)</i>	86.1%	5.0%	9.0%
5.	Điều chỉnh Đơn giá thanh toán 1 giờ chuẩn đối với Hệ chính quy đại trà từ 50.000 đồng/tiết (tiết 45 phút) lên 60.000đ/tiết (=1,2 x đơn giá chuẩn). Đối với lớp chính quy đại trà giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá 66.000đ/tiết (=1,1*60.000đ), Giảng ngoài trường 78.000đ/tiết. (=1+0,1+0,2)*60.000đ)	95.0%	2.0%	3.0%
6.	Điều chỉnh tăng Đơn giá giờ chuẩn đứng lớp đối với giảng viên thỉnh giảng: - Chính quy đại trà: GV: 65.000đ; TS,GVC: 70.000đ; PGS: 75.000đ; GS: 80.000đ/tiết (tiết 45 phút) - Các hệ LT, VB2, VLVH: GV: 55.000đ; TS,GVC: 65.000đ; PGS: 70.000đ; GS: 75.000đ/tiết (tiết 45 phút)	94.0%	1.5%	4.5%
7.	Điều chỉnh tăng đơn giá thanh toán 1 giờ chuẩn đối với hệ Đào tạo Từ xa từ 50.000 đồng/tiết (tiết 45 phút) lên 60.000đ/tiết (=1,2 x đơn giá chuẩn). Đối với giảng dạy theo tín chỉ, đơn giá 66.000đ/tiết (=1,1*60.000đ),	89.6%	4.5%	6.0%
8.	Quy định đơn giá thanh toán tối thiểu 1 giờ chuẩn đối với hệ liên thông do các Khoa/Viện được Trường phân cấp quản lý chi: 100.000đ/tiết (tiết tín chỉ: 50 phút)	86.6%	6.5%	7.0%
9.	Hỗ trợ tăng cường năng lực của Bộ môn. Nguyên tắc chi hỗ trợ: dựa trên số giờ giảng thực tế hệ chính quy đại trà (bao gồm giảng CTTT&CLC) và sau đại học của BM. Năm 2013, Trường cân đối dành 750 triệu đồng để hỗ trợ tăng cường năng lực của các BM.	88.1%	5.5%	6.5%
10.	Hỗ trợ và thưởng cho cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế theo <i>(thuộc hệ thống ISI)</i> : 20.000.000đ/bài, các tạp chí nước ngoài khác có phản biện kín theo danh mục quy định của Trường: 5.000.000đ/bài; Tạp chí Kinh tế phát triển số Tiếng Anh: 1.000.000đ/bài	91.5%	4.5%	4.0%
11.	Cán bộ, Giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI hoặc tạp chí nước ngoài có phản biện kín thuộc danh mục do trường quy định được phép bù giờ giảng định mức còn thiếu nhưng không quá 50% giờ chuẩn định mức: 1 bài báo ISI = 100 giờ chuẩn định mức; 1 bài báo nước ngoài = 40 giờ chuẩn định mức.	91.5%	5.0%	3.5%

12.	Thực hiện phụ cấp 12.000.000 đồng/năm cho mỗi Giáo sư đương nhiệm có số giờ nghiên cứu khoa học trong năm đạt từ 1,5 lần giờ NCKH định mức trở lên	81.1%	10.0%	9.0%
13.	Điều chỉnh tăng một số mức chi quỹ phúc lợi hỗ trợ giảng viên, viên chức hành chính	97.0%	1.5%	1.5%
14.	Điều chỉnh tăng một số mức chi phụ cấp coi thi chấm thi, ra đề và công tác khảo thí	93.0%	4.5%	2.5%
15.	Hỗ trợ mức 30.000.000đ/người đối với các viên chức tham gia các các chương trình ĐT SDH trong nước liên kết với nước ngoài có uy tín, chương trình ĐT SDH nước ngoài có uy tín bằng nguồn học bổng hoặc tự túc, được Hiệu trưởng đồng ý (thực hiện hỗ trợ sau khi hoàn thành chương trình học)	82.6%	9.0%	8.5%
16.	Viên chức trong thời gian tập sự hoặc trong thời gian 1 năm đầu tiên hợp đồng sau tập sự đạt chứng chỉ IELTS 6.5 trở lên hoặc TOEFL IBT 85 trở lên được hỗ trợ lệ phí thi là 5.000.000đ	90.0%	5.5%	4.5%
17.	Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể: được tính mức miễn trừ cao nhất và cộng thêm 30% của 1 mức miễn trừ cao nhất tiếp theo	88.6%	7.5%	4.0%
18.	Điều chỉnh tăng mức thu nhập tối thiểu bình quân một tháng của giảng viên/tháng: Cử nhân: 4.500.000 đồng; Thạc sỹ: 5.500.000 đồng;Tiến sỹ: 6.500.000 đồng; PGS.TS: 9.000.000 đồng; GS.TS: 12.000.000 đồng.	93.5%	4.0%	2.5%
19.	Điều chỉnh mức phụ cấp đối với chức danh lãnh đạo. Đối với GV-VCHC kiêm nhiệm nhiều chức danh quản lý: được tính hệ số phụ cấp quản lý, trách nhiệm ở mức cao nhất và cộng thêm 30% của 1 (một) mức cao thứ hai	80.1%	12.9%	7.0%
20.	Tiếp tục thực hiện hỗ trợ đối với giảng viên tập sự và chuyên viên tập sự mức 1.000.000 đồng/tháng và được chi trả trực tiếp 3 tháng/1 lần dựa trên cơ sở đánh giá công việc của Trường đơn vị và người hướng dẫn tập sự	92.5%	2.5%	5.0%
21.	Giảng viên giảng các chương trình Tiến tiến, Chất lượng cao, POHE và các chương trình đào tạo liên kết nước ngoài do trường quản lý: + Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài (không bao gồm giảng dạy ngoại ngữ): được tính 50% tổng giờ thực giảng tại các chương trình này để tính vào định mức giảng dạy nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn nghĩa vụ theo từng chức danh. + Giảng dạy bằng tiếng Việt (không bao gồm các học phần GDTC, GDQP): được tính 20% tổng giờ thực giảng tại các chương trình này để tính vào định mức giảng dạy nhưng không vượt quá 20% định mức giờ chuẩn nghĩa vụ theo từng chức danh.	85.1%	5.5%	9.5%
22.	Chi hỗ trợ GV, VCHC tham gia công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân	96.0%	2.0%	2.0%
23.	Điều chỉnh tăng mức chi cho công tác giáo trình, học liệu	96.5%	1.0%	2.5%
24.	Điều chỉnh tăng mức khoán văn phòng phẩm	94.0%	1.5%	4.5%
25.	Điều chỉnh tăng các mức chi cho Hội đồng chấm luận văn, luận án	93.5%	3.5%	3.0%